

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 12 - 2025

V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Thiết**, Chủ tịch Công đoàn Tân Lạc
Bà **Bùi Thị Liên**, Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà **Vũ Thị Linh Chi**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 279/2025/TLST- HNGĐ ngày 31/10/2025 về “Ly hôn,, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HN&GD, ngày 07/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **BÙI THỊ H**, sinh năm 1983. Trú tại: Khu BR, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là khu BR, xã TL, tỉnh Phú Thọ*).

2. Bị đơn : Anh **BÙI VĂN L**, sinh năm 1982 Trú tại: Khu BR, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là khu BR, xã TL, tỉnh Phú Thọ*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 31/10/2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Bùi Văn L kết hôn ngày 21/11/2003 trên cơ sở do 02 ông bố mai mối nên không hoàn toàn tự nguyện ; không có thời gian tìm hiểu nhưng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục ; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện TL, tỉnh Hoà Bình (*Nay là xã TL, tỉnh Phú Thọ*). Sau kết hôn vợ chồng chỉ ở được với bố mẹ chồng được 05 tháng rồi vì mâu thuẫn nên bố mẹ chồng tạo điều kiện cho ra ở riêng tại xóm B, xã MĐ, huyện TL, tỉnh Hoà Bình(*Nay là xã TL, tỉnh Phú Thọ*). Thời kỳ đầu khi ra ở riêng cuộc sống vợ chồng bình thường được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp; anh L thường xuyên uống rượu say, không làm chủ được bản thân nên chửi bới và liên tục có hành vi bạo lực với vợ con; Chị cố nhẫn nhịn chịu đựng thì anh L càng bất cần không quan tâm chăm lo cho vợ con; không chịu làm ăn, không có kinh tế để chăm lo cho gia đình con cái; cả gia đình chỉ trông chờ vào công sức và thành quả lao động của chị; Chị cũng đã khuyên giải rất nhiều nhưng không được : anh L vẫn không thay đổi; anh L sẵn sàng vì không vừa ý việc gì là cầm dao dọa xiên; Quá thất vọng về chồng, nhưng chị vẫn chăm sóc cho chồng cũng như các con, làm đầy đủ nghĩa vụ trách nhiệm

của người con trong gia đình của người vợ, người mẹ chờ đợi hy vọng anh L sẽ sửa đổi, thay tâm đổi tính để vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh L không có chuyển biến; Chị đã bỏ đi làm và không về nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 /2025; anh L liên tục vào nhà ngoại tìm và đe dọa nên chị rất sợ cho tính mạng của bản thân. Nhận thấy: Có cố kéo dài thì cũng không còn cơ hội có một cuộc sống hạnh phúc; Tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị làm đơn xin ly anh Bùi Văn L để giải phóng cho nhau. Về con chung : Quá trình chung sống, chị và anh Bùi Văn L có 02 con chung là: Bùi KL1, sinh 02/9/2004 và Bùi KL2, sinh 27/4/2011. Khi ly hôn, cháu L1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên vấn đề nuôi dưỡng giáo dục con không đặt ra. Còn cháu L2 đầu tiên chị xác định để cho anh L được nuôi dưỡng giáo dục và việc chu cấp cho cháu chị sẽ tự chu cấp và lo cho cháu bằng việc chuyển khoản thẳng cho cháu qua anh trai chị, sau này cháu đủ tuổi có tài khoản riêng, chị sẽ chuyển cho cháu ăn học. Tuy nhiên về sau khi hỏi nguyện vọng của con chị lại xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu L2 và chưa yêu cầu anh L đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng chị không đề nghị Tòa giải quyết. Công nợ chung : Không có. Về án phí : Chị H xin tự nguyện chịu.

Bị đơn anh Bùi Văn L đầu tiên báo gọi thì không đến nhưng sau đã đến Tòa thể hiện quan điểm và thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh cho đó là việc bình thường của các gia đình, không có gì lớn : anh vẫn còn tình cảm vợ chồng, không muốn gia đình tan vỡ nên chị H có làm đơn xin ly hôn anh cũng không đồng ý mà xin được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung thì đúng như chị H trình bày: Vợ chồng có hai con: Cháu L1 đã trưởng thành, có gia đình riêng nhưng lại đang vướng vào tệ nạn và anh cho là nguyên nhân do chị H không quan tâm đến gia đình, con cái; còn cháu L2 hiện đang đi học anh rất thương con, chị H bỏ con lại cho anh rồi lại tha lỗi đi nơi khác học khiến anh phải tìm về; Chị H bỏ đi làm nay lại muốn nuôi con anh không đồng ý và nếu ly hôn anh xin được nuôi con và cũng không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung - công nợ chung : Không có;

Vì hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm nên việc điều tra, xác minh và đưa vụ án ra xét xử là cần thiết. Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm .

3. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Quá trình giải quyết: Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Về nội dung: Đối với quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Bùi Thị H phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị H và anh L là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn L. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Bùi KL1, sinh 02/9/2004 và Bùi KL2, sinh 27/4/2011. Khi ly hôn, cháu L1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên vấn đề nuôi dưỡng giáo dục con không đặt ra. Với cháu L2 : khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và chị chưa yêu cầu anh Bùi Văn L phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung và với cháu L1, chị vẫn có trách nhiệm.

Tại phiên tòa anh L cũng yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con và anh cũng chưa yêu cầu chị H phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy cả chị H và anh L đều có quyền nuôi con và đều khả năng nuôi con tốt. Tuy nhiên xét : Chị Bùi Thị H có điều kiện đảm bảo, có việc làm và có thu nhập khoảng 10 triệu/tháng đủ để nuôi dưỡng giáo dục con nhưng hiện cháu L1 đã trưởng thành trên 20 tuổi nên vấn đề nuôi dưỡng, giáo dục không đặt ra. Riêng cháu L2 còn đang học lớp 9, rất cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và theo nguyện vọng của cháu khi ly hôn sẽ ở với mẹ và được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy cháu L2 là con gái, nên khi ly hôn, cần giao cháu Bùi KL2 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị H chưa yêu cầu anh L phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung: Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật. Về tài sản chung - công nợ: Không có nên không đề cập. Về trách nhiệm nộp án phí: Chị H xin tự nguyện chịu án phí sơ thẩm nên áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là chị Bùi Thị H và bị đơn anh Bùi Văn L. Chị H và anh L cùng trú tại Khu BR, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là khu BR, xã TL, tỉnh Phú Thọ*) nên chị H khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh L là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xã TL, tỉnh Phú Thọ*) ngày 21/11/2003. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp, vợ chồng không chịu nhường nhịn nhau, anh L thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con lại thường xuyên có hành vi dùng vũ lực, đe dọa, chửi bới và muốn tước đoạt mạng sống của chị H khiến chị rất ám ảnh và lo sợ cho cuộc sống bản thân; gia đình bức bách, nặng nề. Chị H chấp nhận chịu đựng và chờ mong anh L sẽ thay đổi để có một gia đình và một mái ấm cho các con nương tựa; Vì thế chị bỏ đi làm rồi vì mâu thuẫn chị đã vài lần chuyển về sống với mẹ để nhưng anh L đến xin lỗi nên chị bỏ qua và lại chịu đựng chăm lo cho gia đình, chồng con. Tuy nhiên bản chất con người anh L không thay đổi mà vẫn đe dọa chị và không hề quan tâm đến chị và gia đình. Đã có lần chị làm đơn ra Tòa nhưng rồi chị thương các con lại bỏ qua, nhưng bởi mâu thuẫn quá lớn, không còn có thể chịu đựng chị bỏ đi từ tháng 2/2025 và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn L từ sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng đã xảy ra

những mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp; anh Bùi Văn L và chị Bùi Thị H không hợp tính cách; xung đột xảy ra và anh L đã có hành vi dùng vũ lực khiến chị ám ảnh phải bỏ đi. Dù vậy nhưng anh L cũng không có hành động và việc làm gì tỏ ra hối lỗi; khi chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ mình tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc; Hiện cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn L là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Tuy nhiên tại phiên tòa, xét thấy chị Bùi Thị H kiên quyết ly hôn và không có thể cứu vãn nên anh Bùi Văn L chấp nhận đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau nên cần công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp.

[3]Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Bùi KL1, sinh 02/9/2004 và Bùi KL2, sinh 27/4/2011. Khi ly hôn, cháu L1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên vấn đề nuôi dưỡng giáo dục con không đặt ra. Còn cháu L2 hiện cháu đang ở với chị H và được mẹ chăm lo nuôi dưỡng, giáo dục tốt; chị H đang có việc làm và thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con; Anh Bùi Văn L cũng xin được nuôi dưỡng cháu L2. Trước phiên tòa hội đồng xét xử xác định quyền nuôi dưỡng giáo dục con là quyền của cả bố và mẹ. Nay cả hai anh chị đều xin được nuôi dưỡng giáo dục cháu L2 và đều chưa yêu cầu phía bên kia phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nhận thấy: Cháu Bùi KL2 là con gái đang tuổi lớn, chớm dậy thì và theo nguyện vọng của cháu rất cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, cháu lại đang ôn thi vào lớp 10 nên không nên sáo trộn cuộc sống, học tập của cháu. Bởi vậy : khi ly hôn, cần giao cháu Bùi KL2 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị H chưa yêu cầu anh L phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung; Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[4]Về tài sản chung – công nợ chung : Nguyên đơn không đề nghị Toà giải quyết. Đây là ý chí của đương sự nên Toà không đề cập.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị H xin tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm: Sự tự nguyện này phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Điều 81,82,83 ; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn L.

[2]-Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là: Bùi KL1, sinh 02/9/2004 và Bùi KL2, sinh 27/4/2011. Bùi KL1 đã trưởng thành. Khi ly hôn. Giao cháu Bùi KL2 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện

của chi Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn L phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung: Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[4]- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số: 0004666 ngày 31/10/2025, nay không phải nộp thêm.

[5]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã TL-Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng